

GIÁO DỤC NHO HỌC THỜI TRẦN (THẾ KỈ XIII – THẾ KỈ XIV)

Trần Thị Thái Hà

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Giáo dục và khoa cử Nho học ở Việt Nam thời trung đại là biện pháp quan trọng để tuyển lựa nhân tài cho bộ máy chính quyền và cũng là cách thức để duy trì ảnh hưởng của Nho giáo trong xã hội. Vương triều Trần (1226-1400) tiếp tục kế thừa đường lối phát triển giáo dục và khoa cử Nho học đã có từ thời Lý như một phương cách để cai trị đất nước. Giáo dục Nho học thời Trần được phát triển trên đầy đủ các phương diện, từ xây dựng quy chế thi cử, chấn chỉnh lại hệ thống trường lớp, tổ chức dịch kinh điển Nho giáo... đã tạo nên tảng vững chắc cho nền giáo dục của các triều Lê, Nguyễn sau này. Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử, phân tích, đối chiếu sử liệu từ nguồn thư tịch cổ của Việt Nam để làm rõ những nội dung về giáo dục Nho học thời Trần. Kết quả nghiên cứu mang tới những nhận thức mới về giáo dục Nho học, về mối quan hệ song hành giữa sự phát triển của Nho giáo và giáo dục Nho học ở Việt Nam thế kỉ XIII-XIV cũng như những nỗ lực của vương triều Trần trong quá trình xây dựng và củng cố thể chế chính trị quân chủ tập trung thống nhất.

Từ khóa: Giáo dục Nho giáo, Nho giáo, thời Trần, thi cử.

1. Mở đầu

Nho giáo và giáo dục Nho học (chỉ việc đào tạo, học tập, thi cử, nghiên cứu học thuyết của Khổng – Mạnh) là thành tố văn hoá truyền thống của nhiều nước ở châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam. Ở Việt Nam, từ đầu thời Bắc thuộc, chính quyền đô hộ nhà Hán đã thực hiện một số biện pháp để đẩy mạnh việc truyền bá Nho giáo và chữ Hán vào Việt Nam như mở trường dạy chữ Hán, đào tạo một số Nho sĩ người bản địa nhằm đáp ứng yêu cầu thống trị. Tuy vậy, sau hơn một nghìn năm chính quyền phong kiến phương Bắc liên tục thực hiện chính sách cai trị và đồng hoá, Nho giáo và chữ Hán chỉ được truyền bá và phát triển trong bộ phận quan lại đô hộ và tầng lớp trên của xã hội. Tuy nhiên, từ thế kỉ XI đã đánh dấu chuyển biến quan trọng của giáo dục Nho học ở Việt Nam khi vương triều Lý (1009-1226) có những bước đi chủ động tiếp nhận và sử dụng Nho giáo ở ngay tại kinh thành Thăng Long. Từ đây, Nho học được người Việt Nam chủ động thừa nhận như loại hình văn hoá chính thống và xác lập địa vị của nó khi nền độc lập dân tộc được hoàn toàn ổn định vững chắc và đi vào phục hưng dân tộc. Vương triều Trần kế tiếp sau vương triều Lý đã tiếp tục đường lối phát triển giáo dục Nho học như phương cách để cai trị đất nước. Có thể nói rằng, từ nền giáo dục Nho học đã sản sinh nhiều nhân tài, có những đóng góp quan trọng cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ở thời Trần.

Trong hệ thống công trình nghiên cứu về lịch sử Việt Nam trước năm 1945, vương triều Trần luôn được các sử gia dành sự quan tâm nhất định. Tuy nhiên, nếu như những vấn đề liên

Ngày nhận bài: 12/1/2022. Ngày sửa bài: 2/2/2022. Ngày nhận đăng: 14/2/2022.

Tác giả liên hệ: Trần Thị Thái Hà. Địa chỉ e-mail: ttthai@sgu.edu.vn

quan đến thể chế quân chủ quý tộc dòng họ, thắng lợi và bài học kinh nghiệm từ cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên, chế độ sở hữu ruộng đất với hình thức đặc trưng là điền trang – thái ấp, những thành tựu nổi bật trong lĩnh vực văn học nghệ thuật... dường như đã rõ ràng hơn, thì vấn đề giáo dục Nho học thời Trần còn chưa thực sự đầy đủ, mạch lạc và do vậy, tiếp tục thu hút những tìm tòi, nghiên cứu mới.

Giáo dục là một lĩnh vực rộng, đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học. Trong bài viết này, giáo dục Nho giáo thời Trần được đề cập từ góc độ của khoa học lịch sử và khoa học giáo dục dựa trên những tư liệu lịch sử; các khía cạnh liên quan khác được đề cập ở một mức độ nhất định. Từ góc nhìn này, có thể thấy rằng các học giả trong nước và nước ngoài dường như tập trung nhiều hơn đến giáo dục Nho học của Việt Nam từ thế kỉ XV, khi Nho giáo ở vị trí chi phối về tư tưởng, chính trị mà ít chú ý đến giai đoạn trước đó: thế kỉ XIII-XIV. Giáo dục Nho học thời kì trị vì của vương triều Trần phần lớn được trình bày ngắn gọn, sơ lược như một nội dung thuộc lĩnh vực văn hoá trong các chuyên khảo về lịch sử Việt Nam như *История Вьетнама – Часть 1* (Д.В.Деопик, 1994)[1], *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỉ X-XIV* (A.B.Pôliacốp, 1996) [2], *Lịch sử Việt Nam thế kỉ X-đầu thế kỉ XV* (Trung tâm KHXH và NV Quốc gia, Viện Sử học, 2002)[3], *Lịch sử Việt Nam* tập I (Phan Huy Lê (Chủ biên), 2012) [4], *Vương triều Trần (1226-1400)* (Vũ Văn Quân (Chủ biên), 2019) [5].

Được nhìn nhận như một trung tâm văn hoá lớn thời nhà Trần bên cạnh Thăng Long Hành cung Tức Mặc - Thiên Trường thời nhà Trần cũng là nơi có Nhà học, địa điểm tổ chức các buổi bình giảng văn thơ của Nho sĩ trí thức đương thời. Trong bài viết “Hành cung Thiên Trường thời nhà Trần” (Trần Thị Thái Hà, 2009)[6] đã trình bày những vấn đề xung quanh Nhà học, có liên quan chặt chẽ đến vấn đề nghiên cứu.

Cùng mối quan tâm đến vấn đề giáo dục và đào tạo trong thời Trần, Nguyễn Thị Phương Chi trong bài viết “Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần” (Nguyễn Thị Phương Chi, 2010) [7] đã phân tích và chỉ ra ba hình thức chủ yếu mà nhà Trần đã áp dụng để đào tạo nhân tài, trong đó đào tạo thông qua hệ thống giáo dục Nho học là hình thức phổ biến thứ hai được tác giả đề cập.

Ở một số công trình chuyên khảo về giáo dục, vấn đề giáo dục Nho giáo thời Trần nói chung được trình bày một cách sơ lược trong *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm 1945* (Vũ Ngọc Khánh, 1985) [8], *Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến* (Nguyễn Tiến Cường, 1998) [9], *Giáo dục và thi cử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945* (Phan Ngọc Liên, 2006) [10], *Giáo dục và khoa cử Thăng Long – Hà Nội* (Bùi Xuân Đỉnh, 2010) [11], *Giáo dục Thăng Long – Hà Nội, quá trình, kinh nghiệm lịch sử và định hướng phát triển* (Nguyễn Hải Kế (Chủ biên), 2010) [12], *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỉ X đến năm 1858* (Vũ Duy Mên (Chủ biên), 2020) [13]. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu khi nói đến giáo dục thời Trần thường trình bày chung với giáo dục thời Lý như Nguyễn Danh Phiệt với bài *Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý – Trần* (Nguyễn Danh Phiệt, 1981) [14], Nguyễn Công Lý và *Giáo dục khoa cử ở Việt Nam thời Lý – Trần* (Nguyễn Công Lý, 2019) [15]... Một vài nét chấm phá về giáo dục Nho học thời Trần cũng có thể tìm thấy trong một số nghiên cứu về Nho học, Nho giáo ở Việt Nam như bài của Tạ Ngọc Liễn về *Một số đặc điểm của Nho học Việt Nam từ khởi đầu đến thế kỉ XVI-XVII* (Tạ Ngọc Liễn, 2009) [16].

Đối diện với mặt hạn chế đó, bài nghiên cứu này đặt trọng tâm vào việc làm rõ toàn cảnh nền giáo dục Nho giáo thời Trần đặt trong mối quan hệ với quá trình dự nhập ngày một mạnh mẽ của Nho giáo vào xã hội Việt Nam với mong muốn góp thêm nhận thức về lịch sử giáo dục Việt Nam trong các thế kỉ XIII-XIV. Qua đó, một số vấn đề liên quan đến sự phát triển của Nho giáo thời Trần, chính sách nội trị của vương triều Trần trong thời gian cầm quyền cũng phần nào được lí giải, làm rõ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Hoàn cảnh lịch sử

Từ những năm cuối thế kỉ XII- đầu thế kỉ XIII, nhà Lý đã có những dấu hiệu của sự khủng hoảng, phạm vi kiểm soát của chính quyền trung ương ngày càng bị thu hẹp. Ngày 12 tháng 12 năm Ất Dậu (tháng 1-1226), dưới sự sắp đặt của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi Hoàng đế cho chồng là Trần Cảnh. Dòng họ Trần chính thức bước lên vũ đài chính trị, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho quốc gia Đại Việt. Chính quyền nhà Trần trong thế kỉ XIII luôn tỏ rõ sự vững vàng, năng động, tạo nên sự thống nhất và ổn định cho đất nước cho đến nửa sau thế kỉ XIV.

Ngay từ đầu khi lên nắm quyền, nhà Trần đã luôn chú trọng đến việc đề cao tính tôn tộc, đề cao dòng họ Trần và chủ trương xây dựng một chính quyền quân chủ quý tộc quan liêu. Quan chức lớn ở triều đình như Thái sư, Thái úy, Bình chương sự, Thái phó, Thái bảo, Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo, Tả hữu bộc xạ, Tham tri chính sự và các chức quan võ cao cấp như Đô nguyên soái, Phó Đô nguyên soái, Tiết độ sứ, Đại tướng quân thì chỉ các tôn thất mới được nắm giữ [17; 253]. Riêng Phiêu kỵ tướng quân chỉ dành riêng cho Hoàng tử.

Các vương hầu nhà Trần ngoài việc nắm giữ chức vụ quan trọng trong triều đình còn được phái đi trấn trị các lộ, phủ quan trọng. Để quyền lợi dòng họ thêm vững vàng, lâu bền, ngoài chế độ quyền lợi và thừa kế quan chức theo dòng họ, nhà Trần áp dụng lối kết hôn đồng tộc để duy trì sự khép kín của tập đoàn quý tộc dòng họ Trần. Tuy nhiên, sự khép kín này đã bộc lộ rõ những hạn chế trước nhu cầu bảo vệ đất nước, quản lí xã hội đang đặt ra trực tiếp, khẩn trương trong thế kỉ XIII. Ít nhất, trong thế kỉ XIII, và thậm chí ngay sau khi lên ngôi, vua Trần phải đối mặt với hàng loạt vấn đề sau:

- Vấn đề quản lí, bảo vệ lãnh thổ ở cả hai mặt Bắc, Nam; từ giữa thế kỉ XIII là âm mưu và hành động xâm lược của quân Mông Cổ từ phương Bắc.

- Nhu cầu xây dựng bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương: hoàn thiện một bước phương thức tuyển bổ quan lại, thiết lập chế độ lương bổng.

- Nhu cầu xây dựng bộ luật của riêng vương triều và một bộ máy hành pháp: biên soạn bộ Quốc triều hình luật, lập ra Viện Đăng văn kiểm pháp. Tuyển lựa viên chức thanh liêm, tài cán vào Viện thẩm hình giữ chức quan kiểm pháp, góp phần ổn định trật tự an ninh xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước

- Nhu cầu xây dựng tiềm lực kinh tế, quốc phòng để phục vụ cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và khôi phục lại đất nước sau chiến tranh.

Với hàng loạt những vấn đề cấp thiết đặt ra trước mắt như vậy, trong đó trọng tâm nhất là việc xây dựng và củng cố hệ thống chính quyền thống nhất, tập trung từ trung ương đến địa phương, quản lí xã hội rõ ràng không thể dồn hết lên khối quý tộc hoàng tộc, mà cần có sự chung tay gánh vác của một tập thể lớn hơn, cùng cộng đồng quyền lợi và trách nhiệm – đó chính là sự kết hợp giữa quý tộc Trần với bộ phận quan liêu, trong đó Nho sĩ – trí thức Nho giáo đóng vai trò quan trọng. Tầng lớp Nho sĩ chỉ có thể là sản phẩm của nền giáo dục Nho giáo. Bởi vậy, trong quá trình xây dựng chính quyền quý tộc quân chủ, bên cạnh những đặc quyền dành cho quý tộc tôn thất, nhà Trần còn coi trọng đến việc đào tạo ra đội ngũ trí thức - quan lại cung cấp cho bộ máy Nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trong bối cảnh đó, giáo dục Nho giáo được nhà Trần chú trọng phát triển ngay từ khi mới lên nắm quyền ở Thăng Long.

Từ thế kỉ XIV, tầng lớp Nho sĩ trong xã hội Đại Việt ngày một trở nên đông đảo, giáo dục Nho học được đẩy mạnh hơn, tạo dựng những điều kiện thuận lợi cho nhà Lê ở thế kỉ XV, sau khi giành được độc lập dân tộc đã đưa Nho giáo Việt Nam phát triển lên đến đỉnh cao, chiếm vị trí độc tôn.

2.2. Sự phát triển của giáo dục Nho học thời Trần

Cũng giống như vương triều Lý trước đó, mặc dù sùng Phật, nhưng với trọng trách của người đứng đầu quốc gia “phàm đã là bậc quân nhân tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải lấy tấm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình” [18; 29] như lời Quốc sư Phù Vân đã khuyên nhủ mà vị vua đầu của vương triều Trần là Trần Thái Tông đã có sự kết hợp giữa đạo và đời; hoà nhập Phật giáo và Nho giáo vào cùng một đích chung của công cuộc ổn định xã hội. Trong *Lời tựa* tác phẩm *Thiền tông chỉ nam*, Trần Thái Tông đã nêu rõ: “Đặt mục thước cho hậu thế, làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh”; còn “phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng tỏ lẽ từ sinh ấy là đại giáo của đức Phật” [18; 27]. Như vậy, Trần Thái Tông đã xác định rất rõ sự lựa chọn hệ tư tưởng để làm rường cột cho việc trị nước, nhất là khi nhà nước đó đã được đặt nền tảng đầu tiên theo mô hình Đường – Tống từ những chính thể tự chủ Tiền Lê, Lý trong thế kỉ X, XI. Hay nói cách khác, công cuộc xây dựng nhà nước quân chủ trung ương tập quyền dưới ảnh hưởng lâu dài và liên tục của văn minh Trung Hoa và sự nghiệp bảo vệ lãnh thổ của quốc gia không cho phép Phật giáo – dù được ưu ái bởi tầng lớp quý tộc hoàng tộc phát triển thành quốc giáo. Đó có lẽ chính là lý do khiến triều Trần trên cơ sở kế thừa những thành tựu của Nho học - Nho giáo thời Lý, tiếp tục mở rộng các hoạt động giáo dục và khoa cử. Thực tiễn đất nước cuối thế kỉ XIV, ở giai đoạn cuối Trần cho thấy những định hướng của triều Trần trong duy trì và phát triển vị thế của Nho giáo bên cạnh đạo Phật là đúng đắn khi các quý tộc Trần được sản sinh từ chế độ điền trang thái ấp ngày càng tỏ ra mâu thuẫn với yêu cầu thống nhất, tập trung của một nhà nước quân chủ tập quyền.

Để phục vụ cho nhu cầu về nhân lực trong quản lí và điều hành quốc gia, các vua Trần đẩy mạnh giáo dục và khoa cử Nho học.

Hệ thống trường, lớp

Ở thời Trần, trường lớp được dựng lên khá nhiều, nằm rải rác ở kinh đô Thăng Long, phủ Thiên Trường và các địa phương trong cả nước; trong đó Thăng Long và phủ Thiên Trường là hai trung tâm chính trị và đồng thời là hai trung tâm giáo dục quan trọng, lớn nhất của đất nước, nơi tập trung số lượng nho sĩ trí thức đông đảo.

Trường học dưới thời Trần gồm có cả trường công và trường tư. Trường công do Nhà nước lập ra và quản lí, phân bố tập trung ở Thăng Long (trung tâm Thủ đô Hà Nội) và Thiên Trường (phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định ngày nay). Sử cũ cho biết, năm 1243, tại Thăng Long nhà Trần cho trùng tu Quốc tử giám [19; 22] và đến năm 1253 lập Quốc học viện. Quốc học viện ở Thăng Long thời Trần vừa là cơ sở đào tạo, đồng thời là nơi diễn ra các buổi bình văn thơ, thuyết giảng các đề tài trên nền tảng của Nho giáo với đối tượng được mở rộng hơn trước. Sử cũ chép: “Tháng 6, lập Quốc học viện. Đắp tượng Khổng Tử, Chu Công và Á thánh (Mạnh Tử), vẽ tranh 72 người hiền để thờ” [19; 29]. Tháng 9 năm đó, “xuống chiếu cho các Nho sĩ trong nước đến Viện Quốc học nghe giảng *Tứ thư, Ngũ kinh*” [19; 29].

Trong cơ sở đào tạo quốc gia với tên gọi Quốc học viện, vua Trần quan tâm chọn người tài giỏi, những người thầy giỏi có tiếng trong cả nước, đạo đức trong sáng, mô phạm để giao cho giữ chức Tế tửu và Tư nghiệp. Sử chép: “Năm 1272, Trần Thánh Tông xuống chiếu tìm người tài giỏi, đạo đức, thông hiểu kinh sách làm Tư nghiệp Quốc Tử giám” [19; 48]. Chu Văn An được cử làm Tư nghiệp năm 1328, Nguyễn Phi Khanh làm Tư nghiệp năm 1400. Ngoài ra còn có một đội ngũ Phán cung gồm các học quan, dùng các học sĩ thi hỏng làm để dạy học trò [17; 255].

Nhà học ở phủ Thiên Trường cũng là một cơ sở giáo dục của Nhà nước dưới thời Trần được thành lập năm 1281. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* chép: “Lập Nhà học ở phủ Thiên Trường, cấm người hương Thiên Thuộc không được học vì sợ khí lực kém đi” [19; 57].

Ngoài các trường công do Nhà nước lập ra và quản lí như Quốc học viện, Nhà học thì còn có hàng loạt những ngôi trường tư của các Nho sĩ trí thức nằm rải rác ở Thăng Long và các địa phương. Cho tới tận Thanh Hoá, Nghệ An đều có trường lớp và chắc chắn có nhiều học trò theo học và đi thi. Sử chép năm 1256, nhà Trần đặt lệ phân chia làm kinh Trạng nguyên và trại Trạng nguyên. Đất Thanh Hoá, Nghệ An gọi là “trại”. Những học trò ở Thanh Hoá, Nghệ An trở vào, đi thi mà đỗ đạt thì gọi là “trại Trạng nguyên” [19; 32]. Có hai trường tư nổi tiếng thời đó, thứ nhất là trường của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc, con trai của vua Trần Thái Tông. Ông mở trường học ở ngay trong phủ đệ, tập hợp các Nho sĩ bốn phương, cấp cho ăn mặc, dạy bảo học tập kinh truyện. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã từng được theo học ở ngôi trường này. Một trường tư nổi tiếng nữa dưới thời Trần là trường của Chu Văn An ở làng Huỳnh Cung, huyện Thanh Đàm ngay cạnh kinh đô (nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội). Chu Văn An nổi tiếng vì có nhiều trò giỏi, thành đạt như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát [19; 190]. Ông còn được biết đến với tư cách là tác giả của bộ *Tứ thư thuyết ước*, tóm tắt bốn bộ sách lớn là *Luận ngữ*, *Đại học*, *Trung Dung* và *Mạnh Tử* dùng làm giáo trình giảng dạy cho người Việt. Nội dung dạy học của Chu Văn An ngày nay không còn được biết đến một cách đầy đủ, nhưng chắc chắn ông đã nỗ lực giảng giải học thuyết kinh điển của Nho gia, tạo điều kiện cho lý thuyết Khổng – Mạnh dần dần chiếm thế độc tôn [120; 319], có đóng góp không nhỏ cho sự nghiệp giáo dục thời Trần.

Như vậy, ở thời Trần đã tồn tại trường học của Nhà nước và cả tư nhân. Trong dân gian vẫn có nhiều hình thức, nhiều cơ sở truyền đạt tri thức Nho, Phật, Đạo: Các ngôi chùa vẫn là cơ sở quan trọng rèn tập chữ Hán và tri thức Phật, Đạo, Nho cho tầng lớp bình dân.

Nội dung chương trình dạy và học trong các trường công và tư thời kì này có lẽ tập trung vào các sách vở kinh điển của Nho giáo như *Tứ thư*, *Ngũ kinh*. Theo nhà nghiên cứu Tạ Ngọc Liễn, trong thế kỉ XIII-XV, Tống Nho chi phối, ảnh hưởng ở Việt Nam. Nhưng nhìn chung từ khi được du nhập vào Việt Nam, diện mạo tư tưởng của Hán Nho hay Tống Nho đều chưa thể hiện rõ nét. Các Nho sĩ trí thức Việt Nam thời Trần cũng như sau này mới chỉ chú trọng đến tư chương, khoa cử còn phần học vấn sâu xa về nghĩa lý của kinh sách mang tính triết học thì chưa có ai theo đuổi. Quan điểm của Tống Nho thể hiện rõ ở một số Nho sĩ thời Trần như Trương Hán Siêu, Lê Quát, Chu Văn An, Lý Tử Tấn... khi họ bày tỏ thái độ bài xích Phật giáo, Đạo giáo, đề cao Nho giáo trên lĩnh vực tư tưởng học thuật. Bên cạnh đó, họ cũng thấu nhận tư tưởng triết học của Đạo và Phật để làm phong phú cho nội dung tư tưởng triết học của mình [16;34, 43].

Thể lệ thi cử

Cùng với giáo dục là khoa cử. Khoa cử với tư cách là phương thức tuyển lựa nhân tài được bắt đầu ở Việt Nam từ năm 1075 với nhiều loại hình thi khác nhau: Minh kinh bác học, Nho học tam trường, Tam giáo...do nhà Lý tổ chức. Sự kiện này đã đánh dấu mốc khởi đầu của một phương thức tuyển dụng quan lại của nhà nước quân chủ Đại Việt. Tuy nhiên phải đến triều Trần thì khoa cử mới thực sự đóng góp đáng kể vào việc đào tạo và tuyển dụng nhân tài.

Mặc dù có nhiều loại hình thi khác nhau, trong khoa cử truyền thống nói chung và thời Trần nói riêng, khoa thi chính yếu và quan trọng nhất là khoa thi Tiến sĩ, gồm 3 cấp: Thi Hương, thi Hội, thi Đình. Trong ba cấp thi này, thi Hương là kì thi đầu tiên, được tổ chức tại địa phương nhằm chọn ra những người có năng lực để lên kinh đô dự thi Hội. Qua được kì thi Hội mới được vào thi Đình để tranh bậc cao thấp về học vị giữa những người đỗ đạt. Thông tin từ chính sử cho biết, dưới thời Trần đã tồn tại cả ba cấp thi này, đó thực sự là một bước tiến vượt bậc so với khoa cử của triều Lý trước đó. Tuy nhiên, những ghi chép về các cấp thi trong thời gian nhà Trần trị vì rất tản mát, do vậy thật khó để có thể phác họa lại một cách đầy đủ tình hình khoa cử thời kì này cho sát với hiện thực.

Theo một nghiên cứu của Viện sử học, trong thời gian 175 năm tồn tại, nhà Trần tổ chức được 14 kì thi Nho học, với 273 người đỗ Thái học sinh [3; 290]. Với mong muốn tăng nhanh trình độ học vấn của quan chức, ngay từ năm 1232 (tức là chỉ 6 năm sau khi nắm quyền cai trị) nhà Trần đã mở khoa thi đầu tiên của vương triều mình [19;15]. Đây cũng là năm đánh dấu một mốc đặc biệt trong lịch sử giáo dục và khoa cử Nho học Việt Nam – nhà Trần đặt ra học vị Thái học sinh (sau này đổi thành Tiến sĩ), là học vị thuộc hàng cao nhất.

Tiếp đó, năm 1247, lần đầu tiên trong lịch sử nhà Trần đặt ra lệ Tam khôi - tức là đặt danh hiệu riêng cho ba người đỗ cao nhất của khoa thi là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa. Năm đó, Nguyễn Hiền đỗ Trạng nguyên, Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn, Đặng Ma La đỗ Thám hoa lang, 48 người đỗ Thái học sinh đều được xuất thân theo thứ tự trên dưới khác nhau [19; 25]. Có thể thấy rằng, học vị Thái học sinh và lệ Tam khôi nhà Trần đặt ra chỉ dành riêng cho những ai học và thi kiến thức Nho giáo. Bởi lẽ cũng trong năm đó, vào tháng 8 một kì thi Tam giáo cũng được tổ chức. Những người đỗ đạt được định ra bậc “giáp” và bậc “ất” để phân biệt người đỗ cao, đỗ thấp mà không gọi là Thái học sinh và cũng không chọn ra Tam khôi.

Gần 10 năm sau, vào năm 1256, nhà Trần mới tổ chức kì thi tiếp theo, lấy người đỗ cao nhất để ban danh hiệu Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa như định lệ. Đặc biệt, kì thi này có tới 2 vị Trạng nguyên, chia thành “kinh Trạng nguyên” và “trại Trạng nguyên”; Thái học sinh cũng chia thành “kinh” (42 người) – “trại” (1 người). Giải thích về việc phân loại Trạng nguyên, sử chép: Hồi quốc sơ, cử người chưa phân kinh, trại, người đỗ đầu ban cho danh hiệu Trạng nguyên. Đến nay chia Thanh Hoá, Nghệ An làm trại cho nên có phân biệt kinh, trại [19; 32]. Mặc dù sự phân biệt này chỉ tồn tại trong khoảng 20 năm (từ 1256 đến 1275) nhưng cũng đặt ra một vấn đề cần làm rõ: phải chăng đây chính là biểu hiện của chính sách văn hoá vùng mà các vua Trần đã thực thi, với mong muốn phát triển văn hóa, giáo dục ở những vùng xa kinh thành nhưng lại có vị thế trọng yếu về chiến lược.

Danh hiệu cao nhất dành cho những người đứng đầu được bổ sung bằng thể lệ năm 1304. Vào năm này, nhà Trần đặt danh hiệu mới là Hoàng giáp. Xét về thứ bậc, Hoàng giáp thuộc hàng thứ tư, sau Trạng nguyên, Bảng nhãn và Thám hoa nhưng lại trên Thái học sinh (tức là trên Tiến sĩ). Đến đây, hệ thống danh hiệu cao cấp của khoa cử Nho học Việt Nam gần như đã hoàn chỉnh. Người đỗ Hoàng giáp đầu tiên là Nguyễn Trung Ngạn, lúc đó mới 16 tuổi, đương thời gọi là thần đồng [19; 109].

Dưới thời Trần, việc tổ chức các kì thi đã thành định lệ. Theo thể thức ban hành năm 1246, chuẩn định 7 năm một lần thi. Sử cũng chép rõ: “Bảy giờ thi đại tị chưa định niên hạn, nay chuẩn định 7 năm một lần thi. Việc định niên hạn khoa thi bắt đầu từ đây” và kèm theo lời chú thích: “đời sau gọi khoa thi Hương ở các tỉnh là Đại tị” [21; 470]. Thông tin chi tiết về nội dung và quy chế thi Hương thời Trần không được chính sử đề cập tới. Căn cứ vào ghi chép của *Đại Việt sử kí toàn thư*, có thể hiểu rằng nội dung các trường thi nhà Trần đặt ra năm 1304 là dành cho kì thi Hội, tuyển Thái học sinh. Cụ thể:

Trường 1: Thi ám tả cổ văn

Trường 2: Thi kinh nghi, kinh nghĩa, thơ, phú

Trường 3: Thi chế, chiếu, biểu

Trường 4: Thi đối sách

Đại Việt sử kí toàn thư chép: “Về phép thi: Trước hết thi ám tả thiên Y quốc và truyện Mục Thiên tử để loại bớt. Thứ đến thi Kinh nghi, Kinh nghĩa, đề thơ (tức thể cô thi ngũ ngôn trường thiên), hỏi về “vương độ khoan mãnh” theo luật “tài nan xạ tĩ”. Về phú thì dùng thể 8 vần “đề đức hiếu sinh, hiệp vụ dân tâm”. Kì thứ ba thi chế, chiếu, biểu. Kì thứ tư thi đối sách” [19; 109-110].

Về cách thức tổ chức các trường thi thời Trần, hiện chưa tìm thấy tài liệu nào đề cập tới. Nếu căn cứ vào phép thi của thời Nguyễn sau này, thì mỗi trường thi là một lần loại bớt các thí sinh tham dự. Người thi phải qua được trường 1 mới được thi tiếp ở trường 2 và qua trường 2 mới được thi ở trường 3; qua trường 3 mới được vào thi ở trường 4. Những người vượt qua được 4 trường thi sẽ tiếp tục dự kì thi Đình để phân hạng cao thấp.

Mặc dù theo quy định năm 1246 - cứ 7 năm thi một lần, song trên thực tế, tính từ kì thi đầu tiên năm 1232 của triều Trần đến kì thi dưới triều Hồ, bình quân trên 11 năm có một kì thi. Từ năm 1381 đến năm 1384, trong 3 năm có 2 kì thi. Nhưng từ năm 1275 đến 1304, gần 30 năm mới có kì thi [12; 36].

Theo thời gian, nội dung thi cử cũng được quy định và điều chỉnh với nhu cầu về năng lực của đội ngũ trí thức Nho học. Năm 1396, nội dung thi của 4 trường được quy định lại. Theo đó, có một số thay đổi so với thể thức ban hành từ đầu thế kỉ XIV:

Trường 1: Kinh nghĩa

Trường 2: Thơ, phú

Trường 3: Chiếu, chế, biểu

Trường 4: Văn sách

Yêu cầu cụ thể về nội dung và thể thức của những kì thi này được các sử thần ghi lại như sau: “ Xuống chiếu quy định cách thức thi chọn nhân tài, dùng thể văn bốn kì, bãi bỏ phép viết ám tả cổ văn. Kì thứ nhất thi một bài Kinh nghĩa có các phần phá đề, tiếp ngữ, tiêu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận, từ 500 chữ trở lên. Kì thứ hai thi một bài thơ Đường luật, một bài phú cổ thể, hay thể Ly tao, thể Văn tuyên, cũng từ 500 chữ trở lên. Kì thứ ba thi một bài chiếu theo thể Hán, một bài chế, một bài biểu theo thể tứ lục đời Đường. Kì thứ tư một bài văn sách, ra đề thi theo kinh, sử hay thời sự, mỗi bài phải 1000 chữ trở lên” [19; 236].

Như vậy, so với thể thức thi của năm 1304, thì ám tả cổ văn ở trường 1 có ý nghĩa như một hình thức sơ tuyển với yêu cầu người dự thi phải vận dụng trí nhớ để chép lại một đoạn trong sách cổ đã bị loại bỏ hoàn toàn, có lẽ do quá đơn giản và dễ dàng đối với trình độ của một Thái học sinh tương lai. Kinh nghĩa trước vốn ở trường 2 nay được tách ra khỏi phần thi cùng thơ, phú và đưa lên vị trí của trường 1, thay thế cho ám tả cổ văn. Tư liệu chính sử không cho biết cụ thể hơn về bài thi Kinh nghĩa dưới thời Trần. Tuy nhiên, từ một nghiên cứu của Phùng Minh Hiếu về Kinh nghĩa trong kì thi dưới thời Nguyễn có thể cho những hình dung sơ lược. Theo đó, Kinh nghĩa cùng với Văn sách ở trường 4 là một trong hai văn thể quan trọng nhất, có thể kiểm tra được những loại học vấn then chốt theo định hướng và kì vọng mà triều đình vì thế đã sử dụng khoa cử [22; 72]. Mục tiêu hàng đầu của kì thi Kinh nghĩa là kiểm tra kiến thức của người dự thi về cách giảng giải hay nghĩa lí của kinh điển Nho gia. Trong khoa cử, người làm bài Kinh nghĩa không được kì vọng cần đưa ra chính kiến của bản thân đối với một câu kinh văn, hay cụ thể hơn một ý tưởng, một lập luận, một quan điểm hoặc một sự kiện được ghi trong câu kinh điển Nho gia mà chỉ cần nói mọi điều đúng như ý nghĩa của câu kinh văn mà những chú sớ do triều đình quy định đã xác định theo một lối viết đã định sẵn [23; 113]. Ở phần thi Kinh nghĩa, người dự thi phải làm một bài văn giải thích ý nghĩa một câu trích trong kinh sách thánh hiền với một yêu cầu nghiêm ngặt về quy cách: phải đủ các phần từ phá đề, tiếp ngữ, tiêu giảng, nguyên đề, đại giảng, kết luận. Về đại thể, một bài thi Kinh nghĩa phải bắt đầu và kết thúc bằng những câu văn tuân thủ theo trật tự nêu trên. Bắt đầu từ những câu giảng nghĩa các chữ trong đề nêu ra, phát triển ý của phần giảng nghĩa cho rõ ràng. Phần trung tâm của bài, người thi phải bàn rộng ý của đầu bài, trình bày hết các ý trên cơ sở có sự mở rộng hoặc bổ sung, đưa thêm sự tích vào cho thêm rộng ý của đầu đề. Phần cuối phải có kết luận để tóm lại ý của toàn bài, đóng ý của đầu bài lại. Đây là thể văn bắt buộc chỉ dùng trong khoa cử, không ứng dụng trong sáng tác

văn học và cuộc sống [23; 101]. Yêu cầu đối với một bài thi Kinh nghĩa theo quy định năm 1369 là phải từ 500 từ trở lên, ở mức khá cao nếu đặt trong so sánh với yêu cầu của bài thi Kinh nghĩa dưới thời Nguyễn sau này – chỉ từ 200 từ trở lên. Như vậy, việc nhà Trần bãi bỏ ám tả cổ văn và đưa Kinh nghĩa lên vị trí ở trường 1 rõ ràng là vừa nhằm mục đích nâng cao yêu cầu về trình độ học vấn đối với người dự thi, đồng thời loại được ngay từ vòng đầu tiên những người về mặt tư duy không đáp ứng được yêu cầu của vương triều.

Thơ và phú cũng tách ra trở thành nội dung của trường 2. Nội dung của trường 3, 4 về cơ bản vẫn giữ nguyên như thể lệ năm 1304.

Từ năm 1396, các kì thi Hương ở địa phương cũng bắt đầu được tổ chức theo định lệ: cứ năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội [19; 236]. Chế độ khen thưởng dành cho Tam khôi cũng được quy định rất rõ ràng ở thời Trần: 3 người đỗ đầu được đi thăm thú kinh thành trong 3 ngày. Các vị Thái học sinh đều được bổ dụng và làm việc tại các cơ quan chức năng trong triều đình [20; 320].

Như vậy, thể chế thi cử thời Trần đã dần được hoàn chỉnh theo thời gian. Về sau này, các triều Lê, Nguyễn tiếp tục bổ sung thêm và điều chỉnh một số vấn đề như thời gian tổ chức thi, quy định về sát hạch thí sinh, trình tự trường thi, địa điểm trường thi, bổ sung học vị Phó bảng... nhưng về cơ bản, phép thi 4 trường với các nội dung đã có từ quy định năm 1396 cùng các học vị cho người đỗ đạt cao, thấp của nhà Trần thì vẫn giữ nguyên. Sau này, trong *Khoa mục chí*, Phan Huy Chú có dẫn lại lời của Ngô Sĩ Liên như một nhận xét về chế độ thi cử thời Trần: “Sử thần họ Ngô nói: Phép khoa cử thời Trần đến đây mới đủ văn tự bốn trường, đến nay còn theo, không thay đổi được. Chọn nhân tài bằng văn học, không gì hơn phép này. Xem những người đỗ về các khoa cuối thời Trần thì Nguyễn Ước Trai là nhất, văn chương mưu trí của ông đã giúp cho triều Lê buổi đầu dựng nước. Sau nữa như Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng đều là văn chương cự phách một thời. Thế mới biết từ Tam đại (nhà Hạ, Thương, Chu) về sau chọn người giỏi bằng khoa cử thì văn nghệ không thiếu được” [25; 12].

Vào những năm 70 của thế kỉ XIV, một sự kiện đặc biệt có ý nghĩa trong giáo dục Nho học thời Trần nói riêng và trong sự phát triển của Nho giáo ở Việt Nam nói chung, đó là việc hai Nho sĩ nổi danh là Chu Văn An, Trương Hán Siêu được đưa vào thờ tại Văn Miếu ở Thăng Long. Về Chu Văn An phía trên đã viết rõ, Trương Hán Siêu cũng là người giỏi văn chương chính sự, từng giữ chức Hàn lâm viện học sĩ. Cùng với Nguyễn Trung Ngạn ông biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển*, soạn thảo bộ *Hình thư*, là tác giả của bài phú *Sông Bạch Đằng* khái quát chiến công của quân dân nhà Trần chống quân Nguyên. Ông làm quan dưới bốn triều vua Trần và được các vua Trần từng gọi là thầy. Trương Hán Siêu cũng là một trong những đại diện của Nho giáo thời Trần, đứng trên lập trường quan điểm của Nho giáo để phê phán hệ tư tưởng khác, trong đó có Phật giáo. Như vậy, sự kiện này không chỉ cho thấy ảnh hưởng và uy tín của các trí thức Nho giáo ngày càng cao trong xã hội Đại Việt thời Trần mà bên cạnh đó, Văn miếu - biểu tượng cao nhất, tập trung nhất của Nho giáo và Nho học ở Việt Nam đã thể hiện dấu ấn Việt hoá khá rõ nét khi thờ chung các nhà Nho Việt Nam với nhà Nho Trung Hoa. “Chọn hai nhà Nho là Chu Văn An và Trương Hán Siêu vào phối thờ ở Văn Miếu là thông điệp của nhà Trần trong việc khẳng định Việt Nam đã có những nhà Nho đích thực, tiệm cận năm bắt các quan điểm của học thuyết Nho giáo” [26; 30].

Vào cuối thời Trần, khi Hồ Quý Ly từng bước gia tăng ảnh hưởng trong triều đình, thì Nho giáo đã được định hướng tác động vào xã hội cả bề rộng lẫn bề sâu [27; 16], thông qua công cụ hữu hiệu là giáo dục. Xu hướng chống chủ nghĩa giáo điều trong Nho học cũng bắt đầu xuất hiện. Có thể thấy rõ điều này qua một số sự kiện đáng chú ý sau:

-Chỉ trong thời gian cầm quyền của Hồ Quý Ly, mới bắt đầu chính thức mở rộng hệ thống nhà trường của Nhà nước xuống các phủ lộ (trước đó hệ thống trường công chỉ có Quốc Tử

giám ở Thăng Long và Nhà học ở phủ Thiên Trường là quê hương của vua Trần); đặt học quan ở các phủ lộ Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Đông; ban cho quan điền để chi dùng cho việc học trong phủ [18; 240].

- Trong sách *Minh đạo* (dâng lên nhà vua năm 1392), Hồ Quý Ly bước đầu nêu ra yêu cầu thẩm xét lại kinh điển Nho giáo, tuyển lựa lấy những nội dung phù hợp cho Việt Nam, nêu ra 4 điểm ngờ vực đối với *Luận ngữ* - phản ánh một tinh thần tự chủ trong học thuật [19; 230].

- Tháng 11 năm 1396, Hồ Quý Ly làm sách *Quốc ngữ Thi nghĩa* (giải thích kinh Thi bằng chữ quốc ngữ hay dịch Kinh Thi ra chữ quốc ngữ) và bài tựa, sai nữ sư dạy hậu phi và cung nhân học tập [19; 237].

2.3. Một vài nhận xét

1. Trải qua khoảng 300 năm kể từ khi Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu, Quốc tử giám và mở khoa thi Nho học đầu tiên, chính thức xác lập vị trí của Nho giáo và giáo dục Nho học ở Việt Nam cho đến cuối thế kỉ XIV, nền giáo dục Nho học đã từng bước được kiện toàn từ hệ thống trường, lớp (trường công, tư) cho tới tài liệu học tập; thời gian và nội dung từng trường thi... Thành quả này không thuộc về riêng một cá nhân hay thời kì trị vì của một vị vua nào, mà đây chính là sự phản ánh xu hướng tất yếu của tiến trình tạo dựng và củng cố bộ máy quyền lực của một bộ máy Nhà nước đã sớm có những học hỏi từ mô hình Đường, Tống ở giai đoạn trước đó.

2. Sự phát triển của giáo dục Nho học ở thế kỉ XIII -XIV là minh chứng rõ rệt cho sự thâm nhập ngày một sâu rộng hệ tư tưởng Nho giáo trong xã hội Đại Việt lúc bấy giờ. Nho giáo trở thành chỗ dựa của nền chính trị quân chủ thời Trần, là cơ sở để hoàn chỉnh hơn nền giáo dục chính thống với các quy chế học và thi cụ thể, chi tiết, được các đời Lê, Nguyễn sau này tiếp tục kế thừa và phát triển.

3. Từ giáo dục Nho học, khoa cử là một bộ phận cấu thành không tách rời, đã trở thành một hình thức tích cực để tuyển chọn nhân tài cho bộ máy hành chính quốc gia. Cho dù nhà Trần áp dụng nhiều hình thức đào tạo: trong gia đình, dòng tộc hoặc qua thực tiễn công việc; thông qua hệ thống giáo dục Nho học; đồng thời trong dân gian cũng tồn tại nhiều địa chỉ đào tạo (ở các ngôi chùa, trường tư...) nhưng có thể khẳng định rằng: chính hệ thống giáo dục và khoa cử Nho học của Nhà nước tổ chức đã tạo cơ hội cho nhiều người từ nhiều nguồn gốc xuất thân có thể thi thố tài năng và có cơ hội phụng sự cho quốc gia. Nhiều nhân tài đã thành danh qua các kì thi này. Đây có thể coi là sự linh hoạt ứng biến trong chế độ tuyển chọn nhân tài dưới thời Trần (đặt trong bối cảnh nhà Trần luôn luôn đề cao vai trò của bộ phận quý tộc dòng họ) trước nhu cầu của thực tiễn vận hành bộ máy quản lí Nhà nước, đồng thời cũng là sự tiên bộ vượt bậc trong cách dùng người của nhà Trần so với các triều đại trước đó. Càng về sau, hình thức khoa cử càng đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và lựa chọn nhân tài của các chính quyền phong kiến Việt Nam.

3. Kết luận

Thực tiễn lịch sử thế kỉ XIII-XIV cho thấy, trong các hoạt động nội trị và ngoại trị của vương triều Trần, đều có sự tham gia góp mặt của các Nho sĩ trí thức. Nhà Trần đã tuyển lựa, trọng dụng được nhiều nhân tài của đất nước qua đào tạo và khoa cử Nho học; tạo điều kiện cho các Nho sĩ quan liêu dốc hết tâm sức phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ nền độc lập, toàn vẹn lãnh thổ trong suốt thời kì hưng thịnh của vương triều. Có thể khẳng định rằng, những gì vương triều Trần đạt được trong 175 năm trị vì, tạo nên hào khí Đông A với dấu ấn sâu sắc trong lịch sử dân tộc có sự đóng góp không nhỏ của giáo dục và khoa cử Nho học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Д.В.Деопик, 1994. *История Вьетнама* – Часть 1. Из-во Московского Университета. Москва.
- [2] A.B.Pôliacôp, 1996. *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỉ X-XIV*. Nxb Chính trị Quốc gia, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Hà Nội.
- [3] Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia, Viện Sử học, 2002. *Lịch sử Việt Nam thế kỉ X-đầu thế kỉ XV*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Phan Huy Lê (Chủ biên), 2012. *Lịch sử Việt Nam*, tập I. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [5] Vũ Văn Quân (Chủ biên), 2010. *Vương triều Trần (1226-1400)*. Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [6] Trần Thị Thái Hà, 2009. “Hành cung Thiên Trường thời nhà Trần”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, số 7, tr. 88-94.
- [7] Nguyễn Thị Phương Chi, 2010. “Đào tạo và trọng dụng nhân tài ở Thăng Long thời Trần”. *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 12, tr. 19-26.
- [8] Vũ Ngọc Khánh, 1985. *Tìm hiểu nền giáo dục Việt Nam trước năm*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [9] Nguyễn Tiến Cường, 1998. Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [10] Phan Ngọc Liên, 2006. Giáo dục và thi cử Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- [11] Bùi Xuân Đính, 2010. *Giáo dục và khoa cử Thăng Long – Hà Nội*. Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [12] Nguyễn Hải Kế (Chủ biên), 2010. *Giáo dục Thăng Long – Hà Nội, quá trình, kinh nghiệm lịch sử và định hướng phát triển*. Nxb Hà Nội, Hà Nội.
- [13] Vũ Duy Mền (Chủ biên), 2020. *Lịch sử giáo dục Việt Nam từ thế kỉ X đến năm 1858*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [14] Nguyễn Danh Phiệt, 1981. “Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý – Trần”. *Tìm hiểu xã hội Việt Nam thời Lý – Trần*. Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 447-475.
- [15] Nguyễn Công Lý, 2019. “Giáo dục khoa cử ở Việt Nam thời Lý – Trần”. *Kì yếu Hội thảo khoa học Những vấn đề về giảng dạy tiếng Việt và nghiên cứu Việt Nam trong thế giới ngày nay*. Nxb Đại học Quốc gia tp. Hồ Chí Minh, tp. Hồ Chí Minh, tr.1198-1206.
- [16] Tạ Ngọc Liễn, 2009. “Một số đặc điểm của Nho học Việt Nam từ khởi đầu đến thế kỉ XVI-XVII”. *Kì yếu Hội thảo khoa học Văn miếu – Quốc tử giám và hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam*, Trung tâm hoạt động văn hoá khoa học Văn miếu – Quốc tử giám, Hà Nội. tr.29-44.
- [17] Lê Tắc, 2002. *An Nam chí lược*. Nxb Thuận Hoá, Trung tâm Văn hoá và Ngôn ngữ Đông Tây, Huế.
- [18] UBKHXH Việt Nam, Viện Văn học, 1983. *Thơ văn Lý – Trần*, Tập 3. Quyền Thượng. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [19] Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 2009. *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [20] Trần Thị Thái Hà, 2021. “Thực tiễn đào tạo và sử dụng trí thức Nho học ở nước ta thời Trần (thế kỉ XIII-XIV)” in trong: UBND thành phố Hà Nội, Trường Đại học Thủ Đô, 2021. *Kì yếu hội thảo khoa học Quốc gia. Xây dựng nền giáo dục thực chất, định hướng và giải pháp*. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr. 316-323
- [21] Quốc sử quán triều Nguyễn, 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

- [22] Phùng Minh Hiếu, 2012. “Khoa cử và tri nhận kinh điển Nho gia: Xem xét từ việc thi Kinh nghĩa dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX”, in trong: Nguyễn Kim Sơn (Chủ biên), 2012.*Kinh điển Nho gia tại Việt Nam*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [23] Đỗ Thị Hương Thảo, 2016. *Thi Hương thời Nguyễn (qua hai trường thi Hà Nội và Hà Nam)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [24] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 2010. *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [25] Phan Huy Chú, 2006. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 2. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [26] Đỗ Hương Thảo, 2009. Dấu ấn Việt hoá trong Nho giáo thời Trần. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 8 (400), tr.26-32
- [27] Phan Đại Doãn (Chủ biên), 1999. *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam* (tái bản). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

ABSTRACT

Confucian education in The Tran dynasty (13th century - 14th century)

Tran Thi Thai Ha

Faculty of Pedagogy of Social Sciences, Sai Gon University

The education and elective department of Confucianism in medieval Vietnam were important measures to recruit talent for the government and also to maintain the influence of Confucianism in society. The Tran dynasty (1226-1400) continued to develop Confucian education and elective department as a way to govern the country. Confucian education during the Tran period has not actually developed in comparison to the period from the late XV, but through Tran's establishment of examination regulations, reorganization of the school system, organize translation sessions of Confucian scriptures... A solid foundation has been laid for the continued completion of the education and election of the Le and Nguyen dynasties. The article mainly uses historical methods, analyzes and compares historical data from ancient Vietnamese bibliographic sources to clarify the contents of Confucian education in the Tran Dynasty. The results of this research bring new perceptions on Confucian education, about the parallel relationship between the development of Confucianism and Confucian education in Vietnam in the 13th-XIV centuries as well as the efforts of the Tran Dynasty in the process of building and consolidating the unified centralized monarchy political institution.

Keywords: Confucian education, Confucianism, Tran Dynasty, Examination.